

CÁC CHỈ SỐ TUÂN THỦ CÔNG ƯỚC CEDAW (CEDAW Compliance Indicators)

VIỆT NAM

1. NHỮNG CÔNG VIỆC CHUNG ĐỂ XOÁ BỎ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VÀ BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG (Các điều 1-3 của CEDAW)

1.1. Đảm bảo bình đẳng và không phân biệt đối xử

- Chỉ số 1** Trong Hiến pháp hay trong các văn bản pháp luật có sự đảm bảo bình đẳng và không phân biệt đối xử trên cơ sở giới hay giới tính không?
- Chỉ số 2** Có định nghĩa không về phân biệt đối xử/không phân biệt đối xử trên cơ sở giới tính và định nghĩa này có tương thích với Điều 1 của CEDAW không?
- Chỉ số 3** Có định nghĩa không về bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ/bình đẳng giới và định nghĩa này có tương thích với bình đẳng thực chất không?
- Chỉ số 4** Các văn bản pháp luật có giải quyết không sự giao thoa giữa các loại phân biệt đối xử khác với phân biệt đối xử về giới? (như sự phân biệt đối xử trên cơ sở sắc tộc, khuyết tật, tuổi tác và khuynh hướng tình dục)

1.2. Cấm phân biệt đối xử

- Chỉ số 5** Có quy định pháp luật không về việc cấm rõ ràng nạn phân biệt đối xử giới do các cơ quan công quyền gây ra?
- Chỉ số 6** Có quy định pháp luật cấm phân biệt đối xử do cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức gây ra không?
- Chỉ số 7** Có những hình phạt nào hiện có cho các hành động cố ý hay không làm gì mà dẫn tới phân biệt đối xử không? Có những hình phạt nặng hơn không nếu hành vi phân biệt đối xử do viên chức nhà nước gây ra?
- Chỉ số 8** Có quy định pháp luật không về cấm phân biệt đối xử giới do người nước ngoài và các thực thể do người nước ngoài sở hữu và/kiểm soát gây ra?

1.3. Bảo vệ phụ nữ bằng pháp luật

- Chỉ số 9** Có quyền được bồi thường không trong những trường hợp bị phân biệt đối xử?
- Chỉ số 10** Các những thủ tục hành chính, dân sự và hình sự hiện hành có khả năng giải quyết thích hợp các trường hợp bị phân biệt đối xử không? Có các văn bản pháp luật quy định hướng dẫn cụ thể trong việc xử lý những trường hợp bị phân biệt đối xử không?
- Chỉ số 11** Có sự đảm bảo trợ giúp pháp lý không cho các trường hợp bị phân biệt đối xử giới không? Có sự đảm bảo trợ giúp pháp lý cho phụ nữ không?

Chỉ số 12 Có hòa giải, dàn xếp hay thương lượng không theo yêu cầu của pháp luật để giải quyết các tranh chấp trong tất cả các trường hợp?

Chỉ số 13 Có bảo vệ người nước ngoài chống phân biệt đối xử giới không?

1.4. Các thiết chế và cơ chế thực hiện, theo dõi

Chỉ số 14 Có cơ quan chuyên trách nào không để chịu trách nhiệm điều phối các biện pháp để đạt bình đẳng giới hay quyền con người của phụ nữ? Cơ quan đó có được trao chức năng, quyền lực và nguồn lực thích hợp không để có thể thúc đẩy bình đẳng giới và bảo vệ quyền con người của phụ nữ?

Chỉ số 15 Có không những văn bản pháp luật quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước khác nhau (dù là lập pháp, hành pháp, tư pháp hay hành chính) nhằm đưa bình đẳng giới vào các hoạt động của những cơ quan đó?

Chỉ số 16 Có không các văn bản pháp luật yêu cầu thu thập có hệ thống và phân tích dữ liệu phân chia theo giới, theo dõi tác động của các can thiệp cũng như những xu hướng hoặc sự tiến bộ liên quan đến bình đẳng giới?

Chỉ số 17 Pháp luật có yêu cầu các chiến lược và kế hoạch được đặt ra để đảm bảo cho sự thúc đẩy và bảo vệ bình đẳng giới không?

Chỉ số 18 Có không các tổ chức, dù của nhà nước hay độc lập theo dõi hay giám sát sự tuân thủ của nhà nước với bình đẳng giới và/hoặc CEDAW?

1.5. Đưa vào và áp dụng các điều ước

Chỉ số 19 CEDAW có vị thế như thế nào trong khuôn khổ pháp luật quốc gia?

Chỉ số 20 Có thể viện dẫn những điều khoản của CEDAW trực tiếp trong các thủ tục tố tụng pháp lý hay bán pháp lý như một nguồn quyền khiếu kiện không?

Chỉ số 21 Trong trường hợp xung đột giữa CEDAW với văn bản pháp luật quốc gia thì áp dụng CEDAW hay pháp luật quốc gia ?

1.6. Bạo lực trên cơ sở giới/Bạo lực chống lại phụ nữ và những biểu hiện của nó

Chỉ số 22 Bạo lực trên cơ sở giới

Chỉ số 22.a Bạo lực trên cơ sở giới có bị pháp luật cấm không?

Chỉ số 22.b Bạo lực trên cơ sở giới được định nghĩa như thế nào?

Chỉ số 22.c Có những hình phạt nào áp dụng với thủ phạm?

Chỉ số 22.d Có những biện pháp nào được áp dụng với nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới?

Chỉ số 22.e Pháp luật có yêu cầu hợp tác liên ngành để giải quyết bạo lực trên cơ sở giới không?
Có phân công rõ ràng về trách nhiệm riêng và

chung cho các cơ quan nhà nước để giải quyết bạo lực trên cơ sở giới không?

- Chỉ số 23** Bạo lực gia đình
- Chỉ số 23.a** Bạo lực gia đình có bị pháp luật cấm không?
- Chỉ số 23.b** Bạo lực gia đình được định nghĩa như thế nào?
- Chỉ số 23.c** Những biện pháp nào được pháp luật yêu cầu để giải quyết những nhu cầu cơ bản của các nạn nhân của bạo lực gia đình? Có những biện pháp tạm thời hoặc lâu dài nào để bảo vệ các nạn nhân này?
- Chỉ số 23.d** Có những hình phạt và/hay biện pháp nào được áp dụng với thủ phạm gây ra bạo lực gia đình?
- Chỉ số 23.e** Pháp luật có khuyến khích/yêu cầu hòa giải hoặc dàn xếp trong các vụ bạo lực gia đình không? Có nhiệm vụ tìm hiểu chắc chắn việc có/không có bạo lực gia đình trong những lần hoà giải hay dàn xếp không? Có những thủ tục nào được áp dụng nếu một bên tham gia hòa giải hay dàn xếp là nạn nhân của bạo lực gia đình?
- Chỉ số 23.f** Trợ giúp pháp lý có sẵn có cho những nạn nhân của bạo lực gia đình không?
- Chỉ số 23.g** Pháp luật có yêu cầu hợp tác liên ngành để giải quyết bạo lực gia đình không? Có phân công rõ ràng về trách nhiệm riêng và chung cho các cơ quan nhà nước để giải quyết bạo lực gia đình không?

- Chỉ số 24** Hiếp dâm và các dạng cưỡng dâm khác
- Chỉ số 24.a** Hiếp dâm và các dạng cưỡng dâm khác có bị cấm không?
- Chỉ số 24.b** Hiếp dâm và các dạng cưỡng dâm khác được định nghĩa như thế nào? chúng có bao gồm phạm vi rộng của các hành vi cưỡng bức tình dục không?
- Chỉ số 24.c** Sự đồng thuận của trẻ em trong những hành vi tình dục có được coi như một sự biện hộ cho tội hiếp dâm và các hình thức lạm dụng tình dục khác không?
- Chỉ số 24.d** Hiếp dâm trong hôn nhân có bị coi là phạm tội không?
- Chỉ số 24.e** Việc truy tố vì phạm tội hiếp dâm và/hoặc các dạng cưỡng dâm khác chỉ có thể được thực hiện với sự đồng ý của nạn nhân không? Việc truy tố phạm tội hiếp dâm và/hoặc các dạng cưỡng dâm khác sẽ bị ngưng lại không nếu nạn nhân rút đơn kiện, tha thứ hoặc kết hôn với kẻ bị cáo buộc đã hiếp dâm không ?
- Chỉ số 24.f** Có cấm việc sử dụng các biện pháp kích dục để có sự đồng thuận với những hành vi tình dục không?
- Chỉ số 24.g** Có yêu cầu làm chứng trong việc truy tố những vụ hiếp dâm và/hay các dạng cưỡng dâm khác không?

- Chỉ số 25** Loạn luân
- Chỉ số 25.a** Loạn luân được định nghĩa như thế nào?
- Chỉ số 25.b** Loạn luân có bị cấm không?
- Chỉ số 25.c** Có những hình thức bồi thường nào cho nạn nhân của loạn luân?
- Chỉ số 25.d** Có những hình phạt nào được áp dụng với thủ phạm không?
- Chỉ số 26** Đeo bám
- Chỉ số 26.a** Đeo bám được định nghĩa như thế nào?
- Chỉ số 26.b** Đeo bám có bị cấm không?
- Chỉ số 26.c** Có những hình thức bồi thường nào cho nạn nhân của đeo bám?
- Chỉ số 26.d** Có những hình phạt nào được áp dụng với thủ phạm đeo bám không?

2. NHỮNG BIỆN PHÁP ĐẶC BIỆT TẠM THỜI VÀ CÁC BIỆN PHÁP ƯU TIÊN CHO NGƯỜI MẸ (Điều 4 của CEDAW)

- Chỉ số 27** Hiến pháp và các văn bản luật khác có các điều khoản cho phép thiết lập những biện pháp đặc biệt tạm thời để thúc đẩy bình đẳng trên thực tế?
- Chỉ số 28** Có định nghĩa về các biện pháp đặc biệt tạm thời trong pháp luật không?

Chỉ số 29 Có thủ tục nào cho việc thi hành các biện pháp đặc biệt tạm thời không?

Chỉ số 30 Có quy định pháp luật quy định các biện pháp đặc biệt ưu tiên người mẹ?

3. NHỮNG MẪU HÌNH XÃ HỘI VÀ VĂN HOÁ CỦA HÀNH VI (Điều 5 của CEDAW)

Chỉ số 31 Luật pháp có yêu cầu điều chỉnh những sự đập khuôn hay các tập tục khác mà phân biệt đối xử chống lại phụ nữ không?

Chỉ số 32 Hiện có các biện pháp để cung cấp thông tin về giới và bình đẳng giới không?

Chỉ số 33 Hiện luật pháp có đề cập vai trò và trách nhiệm của thông tin đại chúng trong việc kiểm chế sự phân biệt đối xử và đóng góp vào việc đạt bình đẳng không?

4. BUÔN BÁN VÀ BÓC LỘT MẠI DÂM (Điều 6 của CEDAW)

4.1. Bóc lột mại dâm

Chỉ số 34 Mãi dâm có bị coi là phạm tội không? Nếu có, tội mại dâm được thực hiện như thế nào và kẻ phạm tội là ai?

- Chỉ số 35** Hiện có các hình phạt không?
- Chỉ số 36** Du lịch mại dâm có bị cấm không?
- Chỉ số 37** Luật pháp có yêu cầu những biện pháp giải quyết những nhu cầu của phụ nữ bị bóc lột mại dâm không?
- Chỉ số 38** Luật pháp có yêu cầu hợp tác liên ngành không? Trong pháp luật có quy định rõ trách nhiệm của các bộ ngành trong việc xóa bỏ mại dâm không?
- Chỉ số 39** Phụ nữ mại dâm có nhận được sự bảo vệ bình đẳng của pháp luật liên quan đến các tội hiếp dâm hay cưỡng dâm không?
- Chỉ số 40** Pháp luật có đảm bảo rằng phụ nữ mại dâm được tiếp cận bình đẳng và được chăm sóc sức khỏe, giáo dục và các dịch vụ cơ bản khác không?

4.2. Buôn bán người

- Chỉ số 41** Buôn bán phụ nữ có bị cấm không?
- Chỉ số 42** Có định nghĩa về buôn bán người trong luật pháp không?
- Chỉ số 43** Có những hình phạt nào áp dụng với tội buôn bán người?
- Chỉ số 44** Pháp luật có bảo vệ những cô dâu tương lai khỏi trở thành nạn nhân của những kẻ buôn người không? Hệ thống thư đặt hàng cô dâu có bị cấm không?
- Chỉ số 45** Phụ nữ bị buôn bán có bị xử lý hình sự không?

- Chỉ số 46** Pháp luật có đặt ra các biện pháp đấu tranh chống lại nạn buôn bán người không?
- Chỉ số 47** Có các biện pháp lập pháp nào không để giải quyết nhu cầu của những nạn nhân bị buôn bán và gia đình họ?
- Chỉ số 48** Pháp luật có yêu cầu các biện pháp bảo vệ tạm thời hay lâu dài nào để bảo vệ nạn nhân của nạn buôn bán người không?
- Chỉ số 49** Có quy định đảm bảo rằng phụ nữ bị buôn bán và con cái họ được yêu cầu quyền đòi hỏi có quốc tịch, được cư trú và các quyền khác không?
- Chỉ số 50** Pháp luật có yêu cầu hợp tác liên ngành để giải quyết nạn buôn bán người không? Có quy định rõ ràng trách nhiệm của các bộ ngành trong việc xóa bỏ nạn buôn bán người không?
- Chỉ số 51** Pháp luật quy định những biện pháp nào liên quan đến trách nhiệm của các đại sứ quán ở nước ngoài để bảo vệ các nạn nhân của bọn buôn người?
- Chỉ số 52** Buôn bán người có bị coi là một tội phạm có thể dẫn độ không?

5. ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ VÀ CÔNG CỘNG (Các điều 7 và 8 của CEDAW)

- Chỉ số 53** Hiến pháp hay pháp luật có đảm bảo quyền bình

đảng cho việc bầu cử không?

- Chỉ số 54** Có cơ hội bình đẳng được ứng cử vào tất cả các cơ quan dân cử không?
- Chỉ số 55** Có các quy định lập pháp không cho những biện pháp đặc biệt tạm thời, đặc biệt là chỉ tiêu tối thiểu cho phụ nữ được bầu cử ở tất cả các cấp? Cơ quan lập pháp quy định rõ biện pháp hỗ trợ có các chỉ tiêu này không?
- Chỉ số 56** Có cơ hội bình đẳng để được bổ nhiệm vào các vị trí công quyền không?
- Chỉ số 57** Có quy định lập pháp không cho những biện pháp đặc biệt tạm thời, đặc biệt là chỉ tiêu tối thiểu cho phụ nữ trong bổ nhiệm vào những vị trí công ở tất cả các cấp? Luật pháp có quy định rõ những biện pháp hỗ trợ cho các chỉ tiêu này không?
- Chỉ số 58** Phụ nữ có thể được bầu vào các vị trí lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam không?
- Chỉ số 59** Phụ nữ có quyền bình đẳng tham gia vào các đoàn thể xã hội, những tổ chức phi chính phủ và các nhóm xã hội dân sự không?
- Chỉ số 60** Pháp luật có quy định không việc điều chỉnh đăng ký và vận động các tổ chức phi chính phủ trong việc đẩy mạnh sự tiến bộ của phụ nữ?
- Chỉ số 61** Có các quy định pháp luật không về sự tham gia của phụ nữ trong việc ra chính sách và thực thi ở cấp cơ sở?

Chỉ số 62 Phụ nữ có cơ hội bình đẳng không trong việc đại diện cho chính phủ ở cấp quốc tế và tham gia vào công việc ở các tổ chức quốc tế?

6. QUỐC TỊCH (Điều 9 của CEDAW)

Chỉ số 63 Phụ nữ có quyền bình đẳng không trong việc có được, thay đổi và giữ lại quốc tịch của mình? (Việc kết hôn với người không cùng quốc gia hoặc sự thay đổi quốc tịch của người chồng có ảnh hưởng không đến quốc tịch của người vợ?)

Chỉ số 64 Phụ nữ có quyền truyền quốc tịch của mình cho con họ được không?

7. GIÁO DỤC (Điều 10 của CEDAW)

Chỉ số 65 Tiếp cận bình đẳng trong giáo dục

Chỉ số 65.a Có không sự đảm bảo cho sự tiếp cận bình đẳng trong giáo dục cho phụ nữ và trẻ em gái?

Chỉ số 65.b Có không quy định lập pháp cấm việc không tuyển sinh hay đuổi học dựa trên cơ sở mang thai hay đang nuôi con?

Chỉ số 65.c Có không giáo dục phổ cập tiểu học và trung học bắt buộc cho trẻ em gái và trẻ em trai? Cả trẻ em gái và trẻ em trai đều có thể tiếp cận bình đẳng như nhau trong giáo dục bắt buộc không?

- Chỉ số 65.d** Pháp luật có đảm bảo không việc tiếp cận giáo dục cho những nhóm thiệt thòi, đặc biệt là trẻ em gái/phụ nữ các vùng dân tộc thiểu số và trẻ em gái/phụ nữ khuyết tật?
- Chỉ số 66** Pháp luật có đảm bảo không những điều kiện bình đẳng trong giáo dục, ví dụ như cùng chương trình giảng dạy, bài kiểm tra, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, cơ hội tham gia các môn thể thao...?
- Chỉ số 67** Pháp luật có quy định không về xóa bỏ những vai trò mang tính khuôn mẫu của nam giới và phụ nữ trong tất cả các hình thức giáo dục?
- Chỉ số 68** Pháp luật có yêu cầu không việc xem xét định kỳ sách giáo khoa và chương trình giảng dạy để đảm bảo tính nhạy cảm giới?
- Chỉ số 69** Có những văn bản pháp luật đảm bảo rằng cán bộ quản lý trường học, nhân viên giáo dục và giáo viên không phân biệt đối xử trên cơ sở giới và họ đều nhạy cảm giới không?
- Chỉ số 70** Quấy rối tình dục có bị cấm không trong các cơ sở giáo dục và đào tạo?

8. VIỆC LÀM (Điều 11 của CEDAW)

- Chỉ số 71** Pháp luật có đảm bảo sự bình đẳng và không phân biệt đối xử trong việc làm dựa trên giới tính, tình trạng hôn nhân và mang thai không? Điều

này có áp dụng cho cả khu vực công và tư nhân không?

- Chỉ số 72** Phụ nữ có cùng các cơ hội việc làm như nam giới không? Pháp luật có quy định cùng những tiêu chuẩn trong việc chọn lựa không? Có sự hạn chế nào không trong việc chọn lựa nghề nghiệp của phụ nữ?
- Chỉ số 73** Pháp luật có quy định không việc trả lương ngang bằng cho những công việc như nhau?
- Chỉ số 74** Pháp luật có quy định không những điều kiện ngang bằng về công việc, bao gồm bảo hộ lao động, trợ cấp, đánh giá và sự thăng tiến?
- Chỉ số 75** Pháp luật có đảm bảo không việc bảo vệ đặc biệt cho sức khoẻ của phụ nữ trong suốt quá trình mang thai?
- Chỉ số 76** Pháp luật có quy định khoảng thời gian cho con bú hợp lý trong giờ làm việc không?
- Chỉ số 77** Pháp luật có quy định tuổi nghỉ hưu bình đẳng không?
- Chỉ số 78** Pháp luật có quy định sự bảo vệ khỏi bị sa thải do kết hôn, mang thai hay sinh con không?
- Chỉ số 79** Pháp luật có quy định việc nghỉ sinh con được trả lương trong một thời gian phù hợp mà không bị mất thâm niên công tác hay phúc lợi khác không?
- Chỉ số 80** Pháp luật có quy định không việc hỗ trợ các dịch

vụ giúp bố mẹ kết hợp nghĩa vụ gia đình với trách nhiệm công việc, bao gồm đảm bảo có những cơ sở chăm sóc trẻ em của chủ lao động hoặc Nhà nước?

- Chỉ số 81** Pháp luật có quy định không việc bảo vệ khỏi bị chủ lao động hay người cùng làm việc quấy rối tình dục?
- Chỉ số 82** Có định nghĩa không về quấy rối tình dục bao gồm một danh sách tổng thể những hành vi không được hoan nghênh?
- Chỉ số 83** Có những quy định về điều kiện làm việc của người làm công hay người giúp việc trong gia đình không?
- Chỉ số 84** Pháp luật có bảo vệ cho người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài không?

9. SỨC KHOẺ (Điều 12 của CEDAW)

- Chỉ số 85** Có quy định pháp luật không về đảm bảo không phân biệt đối xử và được bình đẳng tiếp cận chăm sóc sức khỏe?
- Chỉ số 86** Có không các biện pháp hỗ trợ về những dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ nghèo và các nhóm thiệt thòi khác, như phụ nữ khuyết tật, phụ nữ dân tộc thiểu số cùng những nhóm khác?
- Chỉ số 87** Có quy định pháp luật đảm bảo cho phụ nữ được

tiếp cận những dịch vụ y tế thích hợp liên quan đến thai nghén và sinh đẻ, làm mẹ?

- Chỉ số 88** Có quy định pháp luật về phụ nữ có HIV/AIDS và các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục không?
- Chỉ số 89** Nạo phá thai có bị cấm không?
- Chỉ số 90** Nạo phá thai trên cơ sở giới tính và lựa chọn giới tính thai nhi có bị cấm không?
- Chỉ số 91** Có quy định pháp luật về điều chỉnh quy mô gia đình không?
- Chỉ số 92** Có quy định pháp luật không về đảm bảo sự lựa chọn tự do và có được thông tin, và cấm ép buộc, dọa dẫm và gây tác động ảnh hưởng thái quá trong việc sử dụng các phương tiện phòng tránh thai? (như triệt sản cưỡng bức, sự lựa chọn tự do các biện pháp phòng tránh thai)?
- Chỉ số 93** Quấy rối tình dục do nhân viên y tế thực hiện có bị cấm không?

10. ĐỜI SỐNG KINH TẾ VÀ XÃ HỘI (Điều 13 của CEDAW)

- Chỉ số 94** Có sự đảm bảo cho sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong kinh doanh không? Có quy

định pháp luật hỗ trợ sự tham gia của phụ nữ trong việc thành lập và duy trì doanh nghiệp không?

Chỉ số 95 Phụ nữ có quyền bình đẳng trong việc nhận các khoản tín dụng, các khoản vay và tài trợ không?

11. PHỤ NỮ NÔNG THÔN (Điều 14 của CEDAW)

Chỉ số 96 Có quy định pháp luật không về đảm bảo việc trẻ em gái dân tộc thiểu số được hưởng quyền trong lĩnh vực giáo dục?

Chỉ số 97 Có quy định pháp luật không về việc phụ nữ dân tộc thiểu số và phụ nữ ở những vùng núi, vùng sâu vùng xa được hưởng quyền chăm sóc sức khỏe?

Chỉ số 98 Có quy định pháp luật không đảm bảo phụ nữ nông thôn được hưởng quyền trong lĩnh vực chính sách đất đai?

Chỉ số 99 Có quy định pháp luật không đảm bảo quyền đại diện bình đẳng của phụ nữ dân tộc thiểu số trong những cơ quan dân cử?

Chỉ số 100 Có những quy định pháp luật không về sự tham gia của phụ nữ nông thôn trong việc ra chính sách và thực hiện ở cấp cơ sở ?

12. BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT (Điều 15 của CEDAW)

- Chỉ số 101** Hiến pháp có đảm bảo sự bình đẳng trước pháp luật không?
- Chỉ số 102** Phụ nữ có năng lực bình đẳng trong các vấn đề dân sự không?
- Chỉ số 103** Phụ nữ (không kể tình trạng hôn nhân) có quyền bình đẳng để ký kết hợp đồng không? (Có những hạn chế nào không cho phụ nữ tham gia và ký kết hợp đồng không?)
- Chỉ số 104** Phụ nữ có quyền bình đẳng để làm người thi hành hay quản lý đất đai không?
- Chỉ số 105** Phụ nữ có cùng quyền về sở hữu, có được, quản lý, quản trị, được hưởng và sắp đặt tài sản, bao gồm đất đai không?
- Chỉ số 106** Phụ nữ có quyền bình đẳng tự do di lại, lựa chọn nơi cư trú và nơi sinh sống không?

13. HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH (Điều 16 của CEDAW)

- Chỉ số 107** Hiến pháp có quy định bảo vệ đặc biệt cho gia đình và hôn nhân không?

- Chỉ số 108** Có một sự đảm bảo chung trong văn bản pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình và trong hôn nhân không?
- Chỉ số 109** Pháp luật có đảm bảo cùng quyền lợi và điều kiện để tiến tới hôn nhân không? (thí dụ như quyền quyết định khi nào và kết hôn với ai)?
- Chỉ số 109.a** Có quy định độ tuổi kết hôn bằng nhau ít nhất là 18 tuổi không? Có cấm tảo hôn không?
- Chỉ số 109.b** Có yêu cầu đăng ký khai sinh ở một nơi đăng ký chính thức không?
- Chỉ số 110** Pháp luật có đảm bảo kết hôn chỉ được thực hiện với sự hoàn toàn tự do đồng thuận của cả hai bên không?
- Chỉ số 111** Có quy định lập pháp nào cấm các tập tục truyền thống mà hạn chế quyền quyết định như khi nào và kết hôn với ai, bao gồm bắt cóc làm dâu, của hồi môn, đa thê và đa phu, và việc bị hạn chế tái hôn của quả phụ/người góa vợ?
- Chỉ số 112** Pháp luật có yêu cầu đăng ký kết hôn ở nơi đăng ký chính thức không?
- Chỉ số 113** Pháp luật có xử lý hình sự tội ngoại tình không?
- Chỉ số 114** Cả hai bên (vợ và chồng) có bình đẳng không trong việc sở hữu, nhận được, quản lý, quản trị, quyền được hưởng và sắp đặt tài sản không?
- Chỉ số 115** Pháp luật có quy định các quyền và trách nhiệm

như nhau đối với nam giới và phụ nữ về số con và khoảng cách giữa các lần sinh không? (bao gồm cả giáo dục và cách thức thực hiện những quyền này)

Chỉ số 116 Pháp luật có quy định quyền sở hữu tài sản bình đẳng của nam giới và phụ nữ sống cùng nhau mà không kết hôn (sống chung trên thực tế) không?

Chỉ số 117 Phụ nữ và nam giới có quyền thừa kế tài sản bình đẳng không?

- ▶ *Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW)* được Đại Hội Đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 18-12-1979. CEDAW có hiệu lực như là một điều ước quốc tế vào ngày 3-9-1981.
- ▶ Việt Nam ký CEDAW ngày 29-7-1980 và phê chuẩn ngày 17-2-1982. CEDAW có hiệu lực ở Việt Nam từ ngày 19-3-1982.



Quy Phát triển Phụ nữ Liên hợp quốc



Cơ quan Phát triển Quốc tế Canada (CIDA)